

HUYỀN TÁN

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẦN CUỐI

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến không thể suy lường”.
- Tán: Từ câu này xuống hai mươi một hàng tụng chia ra làm

hai:

1. Mười bảy hàng rưỡi đầu là tụng hai pháp mẫu trước.
2. Ba hàng rưỡi tụng sau khuyên phát tín tâm nêu rõ nay nói

thật.

Trong phần một lại có hai:

- a. Hai hàng tụng chung hai diệu.
- b. Mười lăm hàng rưỡi là tụng riêng hai diệu.

Hàng tụng đầu tiên khen ngợi chung Pháp sư diệu. Một hàng tụng sau khen ngợi chung về pháp mẫu, khen ngợi chung thân Phật, công đức thành tựu và pháp thể mẫu nhiệm.

- Kinh: “Vốn từ vô số Phật cho đến khó thấy khó hiểu được”.

- Tán: Từ đây trở xuống gồm mười lăm hàng rưỡi tụng chi tiết về hai diệu. Ở đây chia làm hai: Mười bốn hàng đầu tụng về pháp mẫu. Một hàng rưỡi tụng Pháp sư diệu. Mười bốn hàng lại chia ra năm:

1) Một hàng tụng về hai sự sâu xa đọc tụng, và tu hành.

2) Một hàng tụng về ba sự sâu xa của quả hành, tâm thêm lớn công đức, tâm ưa thích mẫu nhiệm.

3) Một hàng tụng về vô thượng sâu xa.

4) Một hàng rưỡi tụng về sâu nhập sâu xa.

5) Chín hàng rưỡi tụng trụ trì sâu xa không chung với Nhị thừa .

một hàng đầu, vẫn tụng không nêu, chỉ tụng chung tám nghĩa sâu xa. “Vốn từ vô số Phật” mà thọ trì, đọc tụng sâu xa. Tu hành pháp sâu xa đầy đủ. Do hai hành trì này nên trí tuệ môn “khó thấy khó hiểu”.

- Kinh: “Trong vô lượng ức kiếp cho đến Ta đều đã thấy biết”.

- Tán: Một hàng tụng nói ba sự sâu xa: Quả hạnh, thêm lớn công đức, và tâm ưa thích sự mâu nhiệm. Do tinh tấn mạnh mẽ trong vô lượng kiếp hành trì đường ác này, mà quả hạnh sâu xa, tiếng tốt đồn xa, tức tâm công đức thêm lớn, tại đạo tràng đặc quả tức ta đều thấy biết. Cho nên, gọi là Tâm ưa thích nhiệm mâu rất sâu, pháp rất sâu xa ít có đều thành tựu.

- Kinh: “Quả báo lớn như thế cho đến có thể biết việc này”.

- Tán: Một hàng tụng vô thượng sâu xa. Tánh là đạo lý. Tướng là sự nghĩa. Trước bỏ qua văn này, nay văn Tụng có nói pháp khó hiểu Như lai đều biết.

- Kinh: “Pháp không thể mở bày cho đến Tín lực vững chắc”.

- Tán: Một hàng rưỡi tụng nói, nhập sâu xa. Sâu xa là pháp danh tự chương cú mà Phật đã nói. Ý khó đặc cho nên khó hiểu, nên rất khó vào hiểu, tức vì người, lại Phật tự trụ trì trong pháp sâu xa đó gọi là nhập. Không đồng với ngoại đạo tuy nói các pháp, nhưng không thể tự thể nhập. Do Như lai nói về lý nhân duyên, chỉ Phật tự nhập, mà không ai biết được, ý thú khó hiểu nên gọi là nhập sâu xa.

Luận chép: Phật tự trụ trì không đồng với ngoại đạo. Nói pháp nhân duyên rất sâu xa. Kinh này nói: “Pháp không thể mở bày”. Tướng ngôn từ vắng lặng, đạo lý nhân duyên vắng lặng sự nói năng các thứ chúng sanh không thể hiểu được, ngoại trừ các chư Bồ-tát có tín lực vững chắc. Từ Sơ địa trở lên chứng bốn thứ chứng tịnh. Tín Phật, Pháp, Tăng, Giới có thể tin pháp mâu mà chưa viên chứng hai diệu như thế. Cho nên phần dưới đây nói: Bồ-tát không lui sụt cũng không thể biết. Không thể biết là không thể viên chứng, chẳng phải là không tin biết. Tuy trước kiến đạo so với cũng biết mà chẳng phải chứng tín, cũng không vững chắc cho nên không nói.

- Kinh: “Chúng đệ tử Chư Phật cho đến cũng lại chẳng hiểu được”.

- Tán: Chín hàng rưỡi tụng sự trụ trì sâu xa không chung với việc làm của Nhị thừa. Trong đây chia làm ba:

Bốn hàng đầu tụng về Thanh văn không biết.

Hai hàng tụng về Bích-chi- Phật không biết.

Ba hàng rưỡi tụng Bồ-tát không biết.

Trong văn xuôi chỉ nói Nhị thừa không biết để hiển rõ điều này nên cũng nói Bồ-tát không biết. Thanh văn không biết cũng chia làm ba: Một hàng rưỡi tụng chung tất cả Thanh văn không biết. Một hàng

riêng tụng đều là hàng Thu Tử lợi căn cũng không biết. Một hàng rười là nói riêng đều như lợi căn Thu Tử cùng đệ tử khác cùng suy lường cũng không biết. Một hàng rười đầu tụng chung: Từng gần gũi bạn lành, các lậu đều dứt, trụ vào A-la-hán, ở thân cuối cùng có đủ ba đức mà trí tuệ năng lực cũng không thể biết được.

- Kinh: “Giả sử đầy thế gian cho đến không lường được Phật trí.

- Tán: Một hàng nói dù cho thế gian người nào cũng đều như ngài Thu Tử, là người lợi căn bậc nhất, hết lòng tư duy cùng suy lường cũng không thể hiểu, không biết Phật trí. Cho nên trí tuệ môn khó hiểu khó nhập.

- Kinh: “Chánh khiến đủ mười phương cho đến lại không thể biết”.

- Tán: Một hàng rười tụng nói: Người lợi căn trong mười phương đều như Thu Tử cùng chúng đệ tử khác của Phật, cũng đầy mười phương cùng suy lường cũng không thể biết.

- Kinh: “Bích-chi-Phật Lợi trí chẳng thể biết chút phần”.

- Tán: Hai hàng tụng Bích-chi-phật không biết. Bích-chi là lợi căn so với Thanh văn. Lâm giác cũng là lợi căn so với Bộ hành cũng đều không biết. Nếu chưa nhập vào Thiện quyết trạch phần Thanh văn mà làm Độc giác liền thành Lâm giác Nhập vào quyết trạch phần rồi sau thật hành, đều thành bộ hành. Trong phần giải thoát, lúc chưa chắc chắn sanh có thể thành Lâm giác, nên sanh số nhiều. Đã nhất định sanh thì cũng thành Bộ hành mà sanh số ít.

- Kinh: “Bồ-tát mới phát tâm cho đến không thể biết Phật trí.”

- Tán: Ba hàng rười tụng Bồ-tát không biết. Đây là hai hàng rười đầu tụng phạm Thánh không biết. Hàng Bồ tát mới phát tâm có sáu đức:

1. Gần gũi.
2. Đạt nghĩa.
3. Khéo nói.
4. Số chúng.
5. Nhất tâm.
6. Thời gian lâu.

Bồ tát mới phát tâm có sáu đức cũng không thể biết trí tuệ Phật.

Sát là Tiếng Phạn gọi đủ là Sát-đa-la. Hán dịch là điền, điễn thổ.

Có khi dịch là quốc, có khi dịch là độ.

- Kinh: “Bồ-tát Không lui sụt cho đến cũng không thể biết”.

- Tán: Một hàng sau tụng về Thượng thánh không biết, tức bậc

Thánh địa thượng. Hai hàng rưỡi trước tụng nói từ Thất địa trở xuống không biết. Sơ địa trở lên cũng gọi là mới phát tâm, vì chứng phát mười thứ tâm. Một hàng sau này tụng từ Bát địa trở lên không biết, cũng gọi là Bất thối. Phần môn sâu xa trước có tám loại. Nay trong phần thứ tám lại khen ngợi Phật trí, nêu rõ trí sâu cho nên môn này cũng sâu. Hoặc trong mười bốn hàng tụng rưỡi pháp mầu, thì sáu hàng đầu tụng khen ngợi trí môn diệu, y theo lựa chọn trước đã phối. Trong đó một hàng rưỡi cuối tụng sâu xa không chung. Tám hàng tiếp là tụng khen ngợi trí sâu. Người Ba thừa không biết trí tuệ Phật. Y theo nghĩa của bài tụng thì có thể biết.

- Kinh: “Lại bảo Xá-lợi-phất cho đến mười phương Phật cũng vậy”.

- Tán: Đây là một hàng rưỡi tụng: Khen ngợi chung pháp sư khéo léo, không có tụng riêng.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết cho đến cần nên nói chân thật”.

- Tán: Ba hàng rưỡi dưới tụng khuyên phát tín tâm. Nêu rõ nay nói thật. Trong đây chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu tụng: Chỉ bảo Xá-lợi-phất! Hiển bày nói sự thật. Hai hàng tụng sau: Bảo khắp Nhị thừa, nói rõ trước là phương tiện. Một hàng rưỡi đầu, ông đã chưa chứng pháp của ta nói, đối với pháp ta nói phải sanh tín tâm.

- Kinh: “Bảo các chúng Thanh văn cho đến dẫn chúng khiến được ra.”

- Tán: Hai hàng tụng nói về bảo khắp Nhị thừa, chia làm hai:

Hàng đầu bảo khắp được đến Niết-bàn. Hàng sau hiển bày ý Phật hóa dùng Ba thừa. Do nơi nơi chấp trước vào giới địa, cho nên dẫn dắt để họ ra khỏi. Lại nói Ba thừa lý chỉ có một: Hội này chỉ có cực quả Thanh văn, Duyên giác không có, cho nên nói và cầu Duyên giác thừa. Thanh văn thì không như vậy.

- Kinh: “Lúc này trong đại chúng cho đến Đề u nghĩ”.

- Tán: Đoạn thứ hai nói bốn chúng kinh nghi, nên phát động ngài Xá-lợi-thỉnh. Đây có ba lần thỉnh, Phật bảo “thôi” cũng ba lần. Thôi đều ở trước thỉnh đều ở sau.

Luận giải thích ba lần thôi. Lần đầu tiên thôi là tướng, khiến người hỏi pháp Nhất thừa, lần thứ hai thôi là khiến cho đại chúng truy tìm cảnh sâu xa mà khát ngưỡng muốn nghe pháp, lần thứ ba thôi là để cho người xấu lui khỏi chỗ ngồi (đến phần sau sẽ nói).

- Lại trong ba lần thỉnh, đầu tiên hợp nghi của mình và người nên thỉnh. Kế là trình bày vì đại chúng, ở cõi Phật khác đã gieo trồng nhân

duyên nên thỉnh. Lần thỉnh thứ ba là nói mình và người đã theo Phật từ khi giáo hóa đến nay có thể nghe pháp nên thỉnh.

Luận chia theo năm đoạn thì từ đây trở xuống là phần thứ ba đại chúng định nghi. Từ chỉ tự chứng tâm sanh chắc chắn. Đối với lời Phật nói bèn sanh nghi, hoặc dựa sự kinh nghi phát động đến ngài Thu tử thỉnh phật, thỉnh có ba lần, văn theo đó nói ba đoạn. Lần đầu tiên thôi thuộc về tướng pháp Nhất thừa ở trước lần thứ hai thôi, thuộc trong văn thỉnh này.

Lần thỉnh đầu chia làm hai:

- 1) Đại chúng nghi
- 2) Ngài Xá-lợi-thỉnh.

Luận chép phần thứ ba định nghi có ba: Từ đây trở xuống chỉ rõ ba thứ nghĩa.

- Một là nghi chắc chắn.
- Hai là nghi nghĩa.
- Ba là y vào sự gì nghi.

Hai nghĩa đầu nghi ở trong đại chúng. Y vào sự gì nghi là ngài Thu Tử nghi. Đại chúng nghi có hai: Đầu tiên nêu chúng nghi. Sau giải bày ý nghi.

- Kinh: “Nay Thế Tôn... không thể hiểu kịp...”

- Tán: Dưới trình bày ý nghi có hai:

- 1) Nhắc lại lý do nghi.

Đây là nói lại lý do nghi lời Phật nói ở trước. “Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu và thuật lại. Phật trước nói trí tuệ của Chư Phật rất sâu vô lượng, có ngôn nói ý thú của Phật khó biết thuật lại Phật trước nói, trí tuệ môn khó hiểu, khó vào. Hai chỗ sâu xa này nên người Nhị thừa không thể biết. Câu đầu làm rõ phần trên, câu sau kể ở dưới, hợp lại gọi là phương tiện. Ý nghĩa vì sao Phật lại khen ngợi pháp này?”

- Kinh: “Phật nói một nghĩa giải thoát cho đến là nơi nghĩa hưởng đến”

- Tán: Phần này trình bày quyết định nghi: Nghĩa là đến Niết-bàn trở lên gọi là nghĩa chắc chắn. Đối với tự sở chứng quả pháp hữu vi vô vi, chắc chắn từ lâu đã không còn nghi, mà nay không biết nơi nghĩa ấy hưởng về đâu? Đó gọi là nghi nghĩa. Nghĩa là trước nói pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, có ngôn nói ý thú khó biết. Đối với pháp này nay không biết nghĩa Phật nói ấy và ý nghĩa ấy hưởng về đâu? Thì sao sao nói tông chỉ hưởng đến thế nào? Nên gọi là nghi nghĩa. Ý nghi: Như nói giải thoát ta đã đắc, giải thoát đó, lại nói là ít có biết ý nói pháp gì?

Vì thế luận chép nghi nghĩa chắc chắn, tức là có Thanh văn phương tiện chứng, đặc pháp sâu xa, khởi tâm chắc chắn, đối với đạo Thanh văn đặc phương tiện và chứng Niết-bàn. Cho nên thị hiện hai pháp hữu vi vô vi như vậy.

Như trong kinh nói: “Bấy giờ trong đại chúng... cho đến cho đến cũng đặc pháp này mà đến bờ Niết-bàn”. Nói hai pháp là phương tiện và chứng Niết-bàn. Phương tiện là hữu vi có thể chứng sanh không trí đạo. Niết-bàn là vô vi chứng không lý. Với hai pháp này, năng đắc, năng tu và đắc được chắc chắn.

Vì thế, luận chép nghi nghĩa đó thì người thanh văn Bích-chi-phật không thể biết, cho nên sanh nghi. Như kinh nói: Mà nay không biết nghĩa ấy hưởng về đâu?.

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến pháp khó hiểu”.

- Tán: Đây là ngài Thu Tử thỉnh. Trong đây có hai: Phần văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi có hai: Trước nghi, sau thỉnh

Trước nghi: Theo luận đây là nghĩa y vào sự gì nghi? Như lai nói Thanh văn giải thoát cũng không khác ta. Ba thừa đều ngồi cùng tòa giải thoát, do đó sanh nghi. Sanh nghi ở nhân. Nhân là nguyên nhân. Như lai vì sao giảng nói cảnh giới sâu xa, trước nói sâu xa, sau nói sâu xa, không đồng Thanh văn, Thanh văn và Phật chỗ giải thoát đã đồng đẳng, vì sao lại không đồng. Trừ đây ra thì pháp khác nhau là gì? Nguyên nhân gì mà sanh nghi hoặc điều này? Kinh Niết-bàn nói nghi có ba việc: Ma-ha Bát-nhã, giải thoát, pháp thân. Giải thoát tuy đồng mà Bát-nhã, Pháp thân tức là thể quả Nhất thừa tánh tướng trí tuệ của Phật, những thứ này Thanh văn chưa đắc, bốn chúng không hiểu, cho nên sanh nghi. Như kinh nói: “Lúc này, Xá-lợi-phất cho đến cho đến mà nói kệ” Nhân gì là nguyên nhân đạo lý gì? Duyên gì là lý do duyên sự gì? Phương tiện thứ nhất của Phật”. Đây là câu chung trở xuống hiển riêng “sâu xa mầu nhiệm” là trí tuệ Phật. Pháp khó hiểu là trí tuệ môn; nghi lại hai diệu trước mà nghi đây là loại pháp chấp, nhiếp dị thực sanh.

- Kinh: “Con từ xưa đến nay cho đến pháp khó hiểu”.

- Tán: Nhắc lại lời thỉnh quyết nghi. Từ chưa từng nghe, bốn chúng sanh nghi: Cúi Xin Phật nói rộng .

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến pháp bất khả tư nghi”...

- Tán: Trong mười một hàng tụng chia làm bốn: Ba hàng rưỡi đầu tụng trong lời trước khen ngợi Chư Phật dùng phương tiện thứ nhất, pháp sâu xa mầu nhiệm khó hiểu.

Ba hàng tụng kệ tụng về bốn chúng đều có nghi. Một hàng tụng rưỡi kệ tụng: Con từ xưa đến nay chưa nghe là tự nghi.

Ba hàng cuối thỉnh: “Cúi xin nguyện Thế Tôn giảng nói việc này.”

Ba hàng rưỡi đầu chia làm ba:

Một hàng rưỡi tụng lời Phật tự bảo. Trí kiến của Như lai rộng lớn sâu xa, vô lượng vô ngại... là đáng Pháp sư mẫu nhiệm cho đến Một hàng tụng pháp mẫu Phật chứng đắc khó biết khó hiểu. Một hàng hợp tụng khen ngợi pháp và Pháp sư diệu.

Không hỏi mà Phật tự nói. Bạc Đại Thánh tuệ nhật: Trí tuệ của Phật dụ như mặt trời. Kinh Niết-bàn chép: Ví như mặt trời khi mới mọc, ánh sáng rất rực rỡ, đã có thể tự chiếu mà còn dứt trừ hết tăm tối. Hai lợi của Phật cũng như thế. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Mặt trời xuất hiện có bốn việc:

1. Khi mặt trời ló dạng thì tất cả tăm tối đều tan biến.
2. Nông dân làm việc.
3. Trăm loại chim hót vang.
4. Trẻ con kêu khóc.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Lúc mặt trời mọc bóng tối đều xua tan là: Dụ cho Phật ra đời dứt hết sự si ám, chiếu soi tất cả.

- Nông dân đi làm: Là Nhân dân cùng ra đồng làm. Đây là dụ cho sự tùy thời của đàn việt thí chủ, cung cấp y phục thức uống ăn, giường ghế, thuốc thang .

- Muôn chim hót vang là dụ cho các Pháp sư có đức độ cao có thể nói pháp mẫu nhiệm cho bốn chúng nghe.

- Trẻ con kêu khóc: Dụ cho ma chướng, thấy Phật ra đời tâm thật lo sợ áo não. Như trong kinh có bài kệ khen Phật:

*Như lai sắc vàng như núi chúa
Như mặt trời hiện chiếu thế gian
Cứu giúp chúng sanh đêm khổ dài
Nay con đành lễ Vua ba cõi.*

Do đó mà khen ngợi Phật là Tuệ nhật. “Lâu mới nói pháp này”, là nói Phật thành đạo nhiều năm mà không hề bày nói. Nay mới nói ra, nên gọi là lâu. Trên đây là nêu hai câu: Một hàng dưới tụng trước Phật nói các thứ niệm quán.

- Kinh: “Pháp chứng ở đạo tràng cho đến cũng không ai hỏi được”.

- Tán: Nửa hàng trên tụng Phật trước nói pháp chứng đắc quả Bồ-

đề Niết-bàn, trí tuệ sâu xa khó hiểu. Nửa hàng dưới tụng trước Phật nói pháp ấy khó hiểu, trí tuệ môn rất sâu. Người Nhị thừa không biết nên không thể hỏi.

- Kinh: “Không hỏi mà tự nói cho đến các Đức Phật chứng được”.

- Tán: Nửa hàng trên hợp tụng khen ngợi hai diệu.

Không hỏi mà tự nói là: Phật xuất định liền nói pháp. Thứ ba là nói pháp mẫu. Câu thứ tư nói pháp sư khéo léo.

- Kinh: “Các La-hán vô lậu cho đến xin Phật nói cho nghe.”

- Tán: Ba hàng tụng nói nghi của bốn chúng có hai:

Một hàng đầu tụng Thanh văn Hữu học Vô học nghi.

Hai hàng tụng nói Duyên giác và các chúng xin Phật nói.

Nghi dụ cho lưới vây khó thoát ra được.

- Do dự: Do dự theo nói văn Lũng tây nói: Giống như chó sói, tánh chó sói hay nghi ngờ con người nên người không chắc chắn thì gọi là do dự. Bộ Nhĩ Nhã nói: Như con Hoăn giỏi leo cây.

- Kinh: “Đối với chúng Thanh văn cho đến vì là đạo Phật làm”.

- Tán: Tụng này là phần tự nghi. Đắc trí từ trước là quả pháp, hay là nhân đạo. Nếu là quả thì sở đắc đã đầy đủ. Nay vì sao lại khen ngợi. Nếu là nhân đó lại càng muốn hưởng đến cầu nhân mà thành tựu. Trước nói các người tự sở đắc của mình sanh tâm chắc chắn đối với lời Phật nói lại nghi ngờ. Nay Thu Tử không có nghĩa chắc chắn, mà ngay sở đắc của mình cũng sanh nghi ngờ. Lại trước chưa nghe, đối với mình còn có chắc chắn, nay suy nghĩ lại sở đắc của mình, cũng có sanh nghi, cho nên không trái ngược.

- Kinh: “Từ miệng Phật sanh ra cho đến muốn nghe pháp đầy đủ.”

- Tán: Tụng lời thỉnh Phật nói, chia làm hai:

- Một hàng tụng lời thỉnh cầu của chúng đệ tử Thanh văn.

- Hai hàng tụng về các chúng khác thỉnh cầu, đây là phần đầu.

Bẩm thọ lời dạy của Phật, Thánh đạo mới khởi giáo pháp từ miệng Phật nói ra, nên nói từ miệng Phật sanh, để phân biệt với bào Thai là do tinh huyết tạo ra.

- Kinh: “Chư thiên rồng quỷ thần cho đến muốn nghe pháp đầy đủ”.

- Tán: Hai hàng cuối tụng về các chúng khác thỉnh.

Cõi này Phật xuất hiện nên không có Vua chuyển luân, vì thế nói: Vua chuyển luân các nước đến, đạo đầy đủ là lý Đại thừa.

- Kinh: “Bấy giờ Phật bảo cho đến đều sẽ kinh nghi.”

- Tán: Đoạn thứ hai có hai ý: Phật nói thôi và Xá-lợi-phất lại thỉnh.

Luận này trở xuống giải thích phần định ký. Ghi nhận khác nhau, ghi rõ ràng nghĩa riêng biệt sâu kín, gọi là Ký biệt, tức là trong mười hai bộ kinh gọi là kinh Ký biệt. Kinh Ký biệt có ba thứ:

1. Ghi nhận sự khác nhau về lỗi lầm công đức của các đệ tử đã trải qua trong quá khứ.

2. Thọ ký riêng cho các Đại nhân thành Phật.

3. Là ghi nhận rõ ràng, nghĩa riêng biệt sâu kín. Trong chương nói mười hai phần giáo bên dưới có nói đủ. Đây tức là kinh Ký biệt.

Luận chép: Dưới đây dựa vào bốn việc mà nói:

1. Tâm chắc chắn.

2. Nhân thọ ký.

3. Thủ thọ ký.

4. Cho thọ ký.

Tâm chắc chắn là tâm Phật xưa nay đã có sự chắc chắn vì người. Do đây mà có lời nói sau khi Phật bảo thôi. Vì thế, lấy tâm chắc chắn mà luận không phối thuộc kinh, chung cho ý văn dưới.

Luận chép: Tâm chắc chắn là gì? Đã sanh tâm kinh sợ thì khiến cho dứt kinh sợ. Vì lợi ích có hai thứ người, cho nên Như lai có tâm chắc chắn.

Kinh sợ có năm nghĩa:

1) Sợ tổn hoại: Từ chỗ nghe nói cho đó là thật, chê bai cho là không có Đại thừa mà nói: Như lai nói quả rất ráo Niết-bàn của A-la-hán, cuối cùng thì ta đã đạt Niết-bàn như thế. cho nên A-la-hán không nhập Niết-bàn. Đây tức là chủng tánh Thanh văn. Thanh văn là do nghe âm thanh giáo hóa của Phật tu rồi chứng thật quả rất ráo. Ta cuối cùng đã đạt đến Niết-bàn như thế. Quả đã rất ráo nên chê bai cho là không có Đại thừa, không thể nghe nay vì nói Đại thừa. Nếu nghe thì pháp đã tu đó không phải là rất ráo, liền sanh kinh sợ, hoài nghi A-la-hán cuối cùng không nhập Niết-bàn, tức trái với đạo, nghi ngờ sanh nên sợ bị tổn hại.

2) Kinh sợ nhiều việc: Vì chúng sanh sanh tâm Đại thừa như là. Trong vô lượng vô biên kiếp ta thật hành hạnh Bồ-tát, chịu khổ lâu xa. Rồi khởi tâm kinh sợ chỉ giữ thừa khác. Nghĩa là Bồ tát Địa tiền tánh bất định, trụ trong Đại thừa, trải qua nhiều kiếp hành Bồ-tát đạo gọi là nhiều việc, sợ kia khởi tâm lui sụt qua thừa khác. Nay Phật nói cho họ

nghe để tâm không lui sụt.

3) Kinh sợ điên đảo: Phân biệt các pháp ngã ngã sở thân kiến bất thiện. Nghĩa là căn chưa thuần thực định tánh phàm phu. Vì phiền não rất nặng nên không thể nói cho họ nghe. Nếu nói thì họ cùng sanh phiền não, điên đảo kinh sợ.

4) Kinh sợ hối hận: Nghĩa là nếu vì nói: “Đại đức Xá-lợi-phất! Ta không nên chứng Tiểu thừa như thế, và tự dừng Tiểu thừa mà hướng về Đại thừa.” Tức là tâm kinh sợ hối hận.

5) Kinh sợ lừa dối: Nghĩa là nếu nói cho người tăng thượng mạn nghe thì họ sẽ bảo rằng: Vì sao Như lai lừa dối chúng ta tự cho là đạo đã đạt đến quả vị vô dư tròn đầy.

Thanh văn có hai: Định tánh và Tánh bất định.

Phàm phu có hai: Chưa đắc cho là đắc và còn đủ phiền não.

Bồ-tát có hai: Thoái vị và Không lui sụt vị.

Thanh văn Định tánh tức là lo sợ tổn hại. Thanh văn Tánh bất định là lo sợ hối hận, chưa đắc cho là đắc tức phàm phu lo sợ lừa dối. Phàm phu đây dây phiền não tức là điên đảo lo sợ. Bồ-tát Thoái vị tức là lo sợ nhiều việc. Không lui sụt vị Bồ-tát thì không nằm trong năm thứ trên. Bỏ quyền lấy thật, ưa hướng về quả vị Phật, mới nói cho họ nghe Nhất thừa. Đây nói Nhất thừa thì không hợp căn khí vậy. Luận chép: Chính là làm lợi ích cho hai hạng người.

Như lai có tâm chắc chắn: Nghĩa là nhiều việc và hối. Lợi ích cho người hối hận là dẫn xếp họ vào một loại. Lợi người nhiều việc là tùy giữ các thừa khác, cho nên nay nói thôi và sau lại chính nói. Tâm Phật trước đã định vì hai người còn người khác không khác phải chính. Tức trong mười nghĩa nói hai nghĩa đầu của Nhất thừa. Quán ý văn này có nhiều việc. Một loại không nói là có kinh sợ. Nói tức là không kinh sợ, bốn thứ khác thì nói tức là có kinh sợ, không nói thì không sợ. Cho nên luận chép chung đã sanh kinh sợ thì phải dứt trừ kinh sợ, do đó mà thọ ký.

Như kinh nói: Thôi, thôi! Không, cần nói nữa cho đến trời người đều sẽ kinh sợ: Tức trở xuống là văn hai lần thôi. Là nguyên nhân ứng với hai nghĩa vì người nghe người không kham làm người nghe rời chỗ ngồi, cho nên gọi là nhân. Nhân thọ ký đều sanh kinh sợ. Có ba nghĩa:

1) Khiến cho đại chúng suy tìm cảnh giới sâu xa.

2) Khiến cho đại chúng sanh tâm tôn trọng cuối cùng muốn nghe.

Trên đây là ứng với hai nghĩa vì người nghe.

3) Khiến cho người tăng thượng mạn rời khỏi chỗ ngồi mà đi.

Tức là không thể làm người nghe rời khỏi chỗ ngồi. Đây là Phật bảo thôi lần thứ hai. Nhưng ứng với hai nghĩa vì người nghe, lần thôi thứ ba mới vì người không thể nghe pháp rời khỏi chỗ ngồi. Lấy việc thọ ký như trong kinh. “Bấy giờ Đức Thế Tôn...” là lời hứa của Phật có thể nhiếp thọ, hứa sẽ nói cho đại chúng nghe.

Cho thọ ký là như trong kinh Phật bảo: “Xá-lợi-phất! cho đến” chính vì giải thích kinh Nhất thừa. Trong bốn Định ký thì tâm chắc chắn ban đầu là nguyên nhân dừng và nói. Kế đến, nhân thọ ký chỉ là nguyên nhân thôi sự thỉnh. Thủ ký là hứa giải thích, cho ký là chánh thức trình bày. Nay nói kinh nghi là ứng với người nghe. Kinh sợ nghi ngờ, suy tìm pháp sâu, tôn trọng người muốn nghe.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến cúi xin Phật nói.”

- Tán: Lần thỉnh thứ hai.

- Luận chép: Chỉ chúng sanh nay đã được vô lượng Phật quá khứ giáo hóa, đầu là văn xuôi, sau là kệ tụng. Phần văn xuôi có hai: Một là thỉnh chung; hai là có khả năng nghe. Đây là phần thỉnh.

- Kinh: “Vì sao cho đến tức hay kính tin được.”

- Tán: đây là phần có khả năng nghe Phật nói, có ba nhân:

1) Gặp duyên lành từng thấy Chư Phật.

2) Tánh thông minh các căn lanh lợi

3) Hiểu biết chân nghĩa. Trí tuệ thông suốt cho nên tin nghe.

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến có thể kính tin.”

- Tán: Bài tụng này có thể biết.

- Kinh: “Phật lại bảo Xá-lợi-phất thôi đi cho đến sẽ rơi vào hầm lớn.”

- Tán: Đoạn thứ ba. Đầu tiên thôi. Sau lại thỉnh. Trong phần thôi có hai: Văn xuôi và kệ tụng, đây là nói phần đầu.

Vì người không có khả năng nghe nên rời khỏi chỗ ngồi, lại sợ người tăng thượng mạn đắc Thế bậc nhất, bốn tinh lự, liền cho là đắc quả A-la-hán, rồi họ sanh phỉ báng mà đọa địa ngục nên gọi là hầm lớn. Đây đều là phàm phu rơi vào hầm lớn chẳng phải bậc Thánh Hữu học.

Luận Du-già chép: Tất cả bậc Thánh biết quả mình đắc, không tự cho rằng sẽ đắc quả vị Thánh sau mà tăng thượng mạn cho nên không có tà kiến, lại không gây nghiệp đọa vào địa ngục. Cho nên trong các luận có nói các Tỳ-kheo tăng thượng mạn, đắc Thế bậc nhất và bốn Tinh lự sau khi mạng chung do chê bai sự giải thoát sanh khỏi tà kiến nên đọa vào địa ngục, chính là loại này.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến nghe sẽ không kính tin.”
 - Tán: Pháp mầu khó hiểu. Người ngu nghe khởi sanh chê bai. Vì không kính tin nên sợ bị đọa hầm lớn.

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến. nhiều sự lợi ích.”

- Tán: Lần thỉnh thứ ba.

Phần đầu văn xuôi, phần sau kệ tụng.

Văn xuôi có hai: Thỉnh chung và có khả năng nghe.

Ngài Thu Tử lợi căn tự biết túc mạng. Cũng có thể biết người khác ở quá khứ đã theo Phật Thích-ca và từng được giáo hóa. Căn cơ thành tựu đạo đầy đủ, thì sẽ nghe có thể tin. Tin sanh tử đem dài đã an ổn lợi ích, cho nên nay thỉnh Phật nói.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất cho đến.. rừ lòng phân biệt nói.”

- Tán: Từ đây trở xuống gồm bốn hàng tụng, chia làm ba:

- Một hàng tụng đầu tự xưng là trưởng tử để thỉnh. Phật quyết nghị.

- Một hàng rưỡi tụng... trình bày chúng đã từ lâu theo Phật nên thỉnh.

- Một hàng tụng rưỡi: Trình bày mình và người nghe pháp được ngộ giải liền sanh vui mừng để thỉnh nói. Phật là bậc tôn kính trong tất cả chúng sanh hai chân, nhiều chân, không chân. Nay nói loại tôn quý hai chân. Trong ba thứ, loài hai chân là tôn quý có thể nhập đạo, nghĩa là loài trời, người. Phật cũng hai chân nên nói là Đấng Lương Túc. Ngài Xá-lợi-phất là bậc nhất trong chúng Thanh văn nên nói là Trưởng tử.

- Kinh: “Vô lượng chúng cho đến muốn thọ lời Phật nói”.

- Tán: Một hàng rưỡi tụng v.v... là trình bày chúng từ lâu được Phật giáo hóa, nhân duyên xưa nay đã thuần thực, nên thỉnh Phật nói pháp.

- Kinh: “Chúng con nghi... thì sanh tâm rất vui mừng”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng mình và người nghe pháp đều vui mừng, để thỉnh Phật nói.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến phân biệt giải thích”.

- Tán: Luận trong phần định ký của đoạn thứ tư. Từ đây trở xuống là phần thủ thọ ký thứ ba. Phật hứa nhiếp thọ mà vì họ nói pháp. Cho nên trong luận chép Thủ thọ ký là vì ngài Xá-lợi-phất muốn được thọ ký. Như kinh Phật bảo Xá-lợi-phất: Ông đã ba lần thỉnh chẳng lẽ không nói, tức Phật hứa nhiếp thọ.

Nếu y vào tự khoa, thì đoạn thứ ba chia ra thật tướng này, khởi lên quyền môn kia. Trong đây có hai:

1) Nói về nhị ký.

2) Năm trước.

Phần dưới mới phá bốn nghi. Nhị ký có hai: Trong thủ ký có hai:

a) Phật hứa nhiếp thọ.

b) Người ác rời khỏi chỗ ngồi.

Ở đây nói phần đầu:

Trong Bồ-tát Địa chép: Hễ người nghe pháp, lãnh tiếng tiếp xúc tai, gột rửa nhiếp trì (lắng nghe).

Trong Trí luận cũng nói: Người nghe nhìn thẳng như đang đói khát, nhất tâm sâu nhập ngữ nghĩa. Tâm bị hỷ hớn hở nghe pháp. Người như thế thì hãy nói cho họ nghe. Ngau thẳng suy xét là vì nếu không căn dặn chúng sanh để họ lắng nghe xem xét thì sợ tâm không định, tuệ giải không sanh, cho nên Phật căn dặn lắng nghe.

- Kinh: “Lúc nói lời này... lễ Phật thoái lui”.

- Tán: Chúng người xấu thói lui: Có bốn phần:

Một là nói việc bỏ đi.

Hai là Phật không ngăn cản.

Ba là Phật vui vẻ dạy bảo.

Bốn là ngài Xá-lợi-phất kính vâng.

Phần một lại có hai: Nêu và giải thích.

Đây là nói nêu:

- Kinh: “vì sao? cho đến nên không ở lại”.

- Tán: Giải thích nguyên nhân bỏ đi.

Đây là tự dẫn chứng rằng: Có năm điều khó được:

1) Được thân người là ít có.

2) Sanh ở giữa nước là ít có.

3) Đầy đủ các căn là ít có.

4) Gặp Phật ra đời là ít có.

5) Nghe chánh pháp là ít có.

Năm ngàn chúng đệ tử đã có đủ bốn điều khó trên. Vì sao khi Phật sắp nói pháp mầu lại bỏ đi? Việc bỏ đi này là có lý do gì? Nay giải thích có hai ý:

1) Gốc tội sâu nặng

2) Có tâm tăng thượng mạn.

Bối nghĩa là bọn. Tội nghĩa là đáng chê, đáng trách, đáng sợ, đáng chán. Hoặc nhân hoặc quả đều chê bai, chán ghét gọi là tội. Nếu theo Tiểu thừa thì tội này rất nhiều, nặng thì có ba:

1) Phiền não chướng

2) Nghiệp chướng.

3) Dị thực chướng.

Tất cả phiền não gồm có hai thứ:

1) Thường khởi gọi là cần.

2) Khởi mạnh mẽ gọi là lợi, chia làm bốn câu:

a. Cần mà không lợi.

b. Lợi mà không cần.

c. vừa cần vừa lợi.

d. Không cần không lợi.

Nay lấy câu đầu và câu thứ ba gọi là phiền não chướng.

Ngũ vô gián nghiệp gọi là nghiệp chướng.

Ba đường tám nạn là dị thực chướng.

Ba chướng này chướng nhập Thánh đạo nên gọi là tội nặng.

Nay theo Đại thừa thì chướng có hai thứ:

1) Phiền não chướng.

2) Sở tri chướng.

Sở tri chướng là thích ứng theo nó mà chướng nhập vào Thánh vị Đại thừa. Phiền não chướng thích ứng theo nó mà chướng nhập Ba thừa Thánh vị.

Theo luận Phật Địa thì phiền não chướng có ba:

1) Một trăm hai mươi tám phiền não và tùy phiền não.

2) Là chỗ phát nghiệp.

3) Chỗ đắc quả.

Ý này là nói chung phẩm loại kia gọi là chướng, chẳng phải y cứ vào trọng .

Theo Đại Bát-nhã, thì trọng chướng có bốn:

1) Phiền não chướng.

2) Nghiệp chướng.

3) Dị thực chướng.

4) Pháp chướng.

Phiền não chướng là: Một trăm hai mươi tám căn bản phiền não. Và các đẳng lưu tùy phiền não. Thích ứng theo nó mà làm chướng Thánh đạo đều là chướng này. Nghiệp chướng là: Theo kinh Tát-già-ni Càn Tử thì có năm thứ nghịch:

1) Phá tháp hoại chùa. Đốt kinh tượng trộm cắp và dùng vật Tam bảo.

2) Chê bai pháp Ba thừa cho là không phải pháp Thánh. Chướng ngại lưu nạn che giấu điều ác.

3) Đối với tất cả người xuất gia, hoặc người có giới, không giới, giữ giới, phá giới đều đánh mắng quở trách. Nói lỗi của họ, giam cầm vào lao ngục. Hoặc ép buộc họ cỡi cà sa hoàn tục, bắt phục dịch sai khiến, làm cho họ mạng căn bị cắt đứt. Kinh Đại Tập chép: Lỗi hại một Tỷ-kheo phá giới còn hơn tội làm muôn ức thân Phật chảy máu.

4) Giết hại cha mẹ, làm thân Phật, A-la-hán chảy máu, phá hòa hiệp tăng.

5) Sanh đại tà kiến, chê bai nói không có nhân quả, thường hành trì các nghiệp bất thiện.

Năm thứ này chỉ có trong Đại thừa gọi là nghiệp chướng năm tội nghịch.

Cũng có nói nói bảy tội, chẳng qua cũng từ năm tội này.

Sở dĩ không nói là dị thực chướng: Nghĩa là quả dị thực hay làm chướng ngại Thánh đạo. Tức ba đường ác, tám vô hạ (gián) v.v... Vì nạn sanh ra trước Phật sau Phật nên nói là trước pháp, sau pháp, là trước sau Phật pháp không người đắc quả Thánh.

Pháp chướng là: Ở đời trước làm chướng ngại việc thiện của người, tạo ra các pháp nghiệp, sanh vào trong đời này không được nghe pháp, chánh pháp thiếu xót nghĩa là thuộc hai quả Tăng thượng, Đẳng lưu trong năm quả .

Gốc tội sâu nặng là cảm pháp nghiệp thiếu kém. Vì gốc tội nên hiện đời không nghe pháp, vì là thể của tội nên là chướng thứ tư.

- Mạn Ngọc Thiên nói là khi thường, không sợ, ngạo mạn. Lấy sự lừa dối làm gốc, chậm rãi, cậy mình ép bức người khác, tự cao.

- Trong luận Du-già nói Mạn có bảy thứ: Một là mạn; hai là quá mạn; ba là mạn quá mạn; bốn là ngã mạn; năm là tăng thượng mạn; sáu là ty mạn; bảy là tà mạn.

1) Mạn đối với người thấp hèn mà cho là mình hơn hoặc cho là bằng người.

2) Quá mạn: Đối với người bằng mình cho là mình hơn, hoặc với người hơn cho là mình bằng .

3) Mạn quá mạn: Với người hơn cho là mình hơn.

4) Ngã mạn: Cậy thế chấp ngã đề cao mình.

5) Tăng thượng mạn: Mình ít đức mà cho là nhiều.

6) Ty mạn: Người hơn mình nhiều, chấp mình kém người khác ít.

7) Tà mạn: Hoàn toàn không có đức mà cho là có đức.

Nay nói tăng thượng mạn, tức phần thứ năm đã thật là ít đức, cho là mình nhiều đức độ, đặc thiên định Niết-bàn thế gian. Cho nên chưa

đắc nhiều cho là nhiều đức. Chưa chứng cho là đã chứng. Đắc cho là đạo hữu vi. Chứng cho là diệt vô vi, đây là tướng tăng thượng mạn. Chẳng phải hoàn toàn chưa đắc mà nay cho là đắc. Nếu không như vậy, thì chẳng phải tướng tăng thượng mạn, chính là tà mạn thứ bảy. Nếu có hai lực phiền não chướng và chướng pháp trước, nên không thể có khả năng nghe pháp.

Hỏi: Bọn năm ngàn người đã không thể nghe pháp, vì sao mắt nhìn thấy hào quang Phật tỏa chiếu, tai nghe lời diệu xướng, thấy hoa trời và an nhiên nhìn đất rung chuyển mà không kinh sợ?

Đáp: Phật phóng quang động địa chưa đủ làm thay đổi tâm hèn kém. Diễn pháp mâu nói việc ít có thật trái với thiền ý. Nghe lời hỏi đáp trong bài tựa làm bước đầu dẫn đến Đại thừa và nhân nghe trình bày sâu xa của nội tông Đại thừa, lại càng thêm mê hoặc thêm chệch lạc cho nên ở đây Phật bảo bẻ hết cành lá, quét sạch tấm cám.

- Kinh: “Thế Tôn mặc nhiên im lặng mà không ngăn cản”.

- Tán: Phần hai không ngăn cản.

Mặc có nghĩa là im lặng.

Các bộ luận đều nói có hai chắc chắn mà Phật lực không trái:

Một là thọ dị thực chắc chắn

Hai là tác nghiệp chắc chắn.

Với người vì tội căn sâu nặng Phật dùng chắc chắn chịu quả, người tăng thượng mạn. Phật chắc chắn tác nghiệp. Do đó mà năm ngàn vị này rời chỗ ngồi đi ra. Phật tuy có thần lực cũng không ngăn họ được, lại vì để họ đi mà không rơi vào địa ngục, không thể ngăn, khiến họ phải khởi nghiệp nặng. Những vị kia nếu phát tâm thì định nghiệp có thể chuyển. Tâm họ không đổi nên Phật lực không ngăn được.

- Kinh: “Bấy giờ Phật bảo cho đến nên vì ông mà nói”.

- Tán: Phần ba Phật vui vẻ dạy bảo.

Gió kinh động rơi hạt lép, sương rụng hạt chắc vẫn còn. Phật hứa nói đã làm kinh tâm người. Chấn uy thần khiến họ phải bỏ đi. Cho nên bỏ ra cành lá là tốt. Xướng người trình thật trụ lại mà hứa nói. Cành lá dụ cho người khinh bạc hư sợ. Sự thuận trong vững chắc nên dụ là hạt chắc .

- Kinh: “Xá-lợi-phất nói cho đến nguyện ưa muốn nghe”.

- Tán: Phần bốn là kính vâng.

Nguyện vui là ý ít giải. Muốn nghe cũng là tâm mong muốn nghe.

- Kinh: “Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến thời một lần hiện”.

- Tán: Phần này cho thọ ký vì họ giải thích. Luận có sáu:

1. Người chưa nghe khiến cho nghe.

2. Là nói. “Xá-lợi-phất! Chư Phật tùy nghi nói...”

3. Nương vào nghĩa gì? cho đến “Vì sao? Vì Chư Phật Thế Tôn chỉ một đại sự nhân duyên cho đến”

4. Là khiến cho trụ: “Xá-lợi-phất! Như lai dùng một Phật thừa nên vì chúng sanh nói pháp”.

5. Là y vào pháp. “Xá-lợi-phất! Tất cả Chư Phật mười phương cũng như vậy...”

6. Ngăn: “Xá-lợi-phất! Trong các thế giới ở mười phương còn không có hai thừa.” Chưa nghe khiến cho nghe, là khen ngợi pháp ít có, hiển bày khiến được nghe.

- Nói là nói pháp sở nói, ý nói việc ít có biết.

- Y vào nghĩa gì? Là người chưa nghe khiến cho nghe và dùng phương tiện nói. Nương vào nghĩa gì là nương vào pháp rất sâu khó hiểu do Phật chứng đắc.

- Trụ là khiến yên trụ pháp Nhất thừa là pháp mà Chư Phật ba đời mười phương đã cùng làm tức là phép tắc, khuôn mẫu.

- Đầu tiên là tùy theo thời nghi mà nói: Ý muốn về lâu sau, chúng sanh vẫn giữ hạt giống trí tuệ Phật.

- Ngăn là ngăn phá hai chấp, ngăn cho hai thừa là chân thật, để khen ngợi pháp ít có. Người chưa nghe khiến cho nghe có ba ý:

1) Khen ngợi sự ít có.

2) Nêu thí dụ.

3) Khuyến tín.

Đây là nói hai phần đầu. Điều này nếu thường nói, không có người trí nào không thích. Thời nghi là cả người trí ngu cùng ưa.

Tiếng Phạn gọi là Ô-đàm-bát-la, Hán dịch là Thụy ứng. Khi Kim luân ra đời thì biển lớn giảm ít. Khi Kim Luân xuất hiện thì hoa Bát-la mới trở hoa, ứng vào việc ngụ thế của Kim luân, nên gọi là hoa Thụy ứng. Đây là nói pháp luân vương của kinh Pháp Hoa ra đời thì biển sanh tử giảm bớt. Đạo Nhất thừa hiển bày mới giảng nói. Cho nên lấy đây làm thí dụ mà khen ngợi Phật pháp ít có. Ngài Thu Tử từ thời vãng kiếp từng có pháp chưa nghe, nay muốn nghe nên hết lòng khát ngưỡng.

- Kinh: “Xá-lợi-phất! cho đến nói không luống dối”.

- Tán: Đây là phần khuyến tin. Vì trí hiểu còn giới hạn, nên chưa thể chứng đạt. Cho nên đây nêu pháp không luống dối để khuyến người tin.

- Kinh: “Xá-lợi-phất!.. ý thú khó hiểu.”

- Tán: Đoạn thứ hai nói Phật nói có hai: Nêu ra và giải thích.

- Kinh: “Vì sao? Là có thể biết”.

- Tán: Đây là phần giải thích trên đã nêu.

- Luận giải thích các thứ nhân duyên: Nghĩa là pháp ba thừa. Pháp ba thừa kia chỉ là danh tự chương cú nói không có thật nghĩa. Vì ý thật nghĩa kia không thể nói, Ý trong đây nói: Ta dùng phương tiện mà nói pháp Ba thừa. Pháp đây chỉ có danh tự chương cú không phân biệt ba thể mà tùy nghi nói ba. Người Nhị thừa không thể suy lường có thể hiểu, chỉ Phật mới có thể biết. Đây là nêu phần trí môn khó hiểu ở trước. Thật nghĩa Ba thừa tức là chân như, là không thể nói. Nói nương vào đâu tức là chỉ cho trí tuệ Phật.

- Kinh: “Vì sao? cho đến xuất hiện ở đời”.

- Tán: Văn thứ ba là y theo nghĩa gì? Có hai: Nêu và giải thích rộng.

Đây là nói phần đầu. Do văn trước mà mượn dẫn chứng rõ. Vì sao nói ngôn từ khó hiểu chỉ có Phật mới hiểu? Y theo nghĩa gì mà nói như thế?

Các Phật Thế Tôn là bao gồm các Phật mười phương ba đời “Chỉ vì một đại sự nhân duyên...”

Sự vật nghĩa là sự, thể sự. Đạo lý tùy ứng cũng đều đặc. Vì đại sự nhân duyên này mà xuất hiện ở đời, tự xưng đức hiệu, rộng làm lợi ích chúng sanh. Nếu như không như vậy thì nhập diệt như Nhị thừa. Do đại sự này, cho nên tùy nghi nói, ý thú khó biết.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... xuất hiện ở đời”.

- Tán: Giải thích rộng có hai:

1) Hiển bày riêng

2) Giải thích ý

- Hiển bày riêng có ba:

1) Trình bày

2) Giải thích

3) Kết

- Kinh: “Chư Phật Thế Tôn cho đến xuất hiện ở đời.”

- Tán: Đây là phần giải thích. - Thể của việc lớn tức là tri kiến. Chư Phật xuất hiện ở đời vì đại sự này. Có bốn nghĩa là: Khai, thị, ngộ, nhập. Luận chép: Một đại sự đó là nương vào bốn thứ nghĩa nên biết.

Phật tri kiến: Như lai có thể chứng biết như thật nghĩa kia. Đây có ba giải thích

Giải thích thứ nhất: Pháp tánh chân như gọi là như thật, tánh chân thật của pháp tức là sở chứng. Nghĩa lý cảnh giới đều gọi là nghĩa. Thể chánh trí gọi là năng chứng, biết được nghĩa lý, chứng cảnh chân thật, tức năng chứng chánh trí và sở chứng chân như cả hai năng, sở tri kiến đều gọi là tri kiến. Như làm tánh của tri kiến. Trí là dụng của tri kiến, tánh tướng tri kiến đều gọi là tri kiến.

Luận Bát-nhã của ngài Vô Trước nói: Vô thượng Bồ-đề là pháp thân, Chánh Đẳng Bồ-đề là báo thân, như kinh Giải Sâu Mật nói: Bồ-đề. Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề.

- Luận Trí Độ chép: Trí và Trí xứ đều gọi là Bát-nhã. Hoặc trí là trí chánh thể. Kiến là hậu đắc trí, là hai, là dụng. Năng chiếu hai cảnh chân tục. Hai bổn tánh này tức là chân như hợp lại gọi là tri kiến. Đem tánh hợp tướng thì gọi là tri kiến. Vì muốn người Nhị thừa cầu chủng trí.

Kinh Thắng-man nói: Nhất thừa tức là Phật thừa. Phật thừa là Đại thừa. Nhiếp Đại thừa nói: Vừa đại vừa thừa nên gọi là Đại thừa là muôn hạnh. Hoặc nương vào đại tánh nên gọi Đại thừa, là chân như. Cho nên biết Quả Phật Nhất thừa, thể có cả lý và trí. Khế ước với tông nghĩa này thì nhà lửa xe trâu ý ở trí dụng. Nói xe trâu là sở tác của ngã. Đường hiểm, đảo châu báu ý ở trí tánh. Xưng hóa tạo thành thì chẳng phải đảo châu báu. Hợp cả hai này lại gọi là tri kiến.

- Luận này chép: Gồm có bốn pháp:

Khai: Là nghĩa Vô thượng, trừ Nhất thiết trí, không còn có việc khác.

Nhất thiết trí đó là Phật vậy. Lại nói trí đó là căn bản trí và hậu đắc trí. Hai trí này là dụng, tánh của hai trí này tức là chân như. Hoặc dụng hoặc tánh gọi chung là trí.

Trí của bậc Nhất thiết trí thì gọi là trí Nhất thiết trí lại Nhất thiết trí là căn bản trí.

Lại nói trí là hậu đắc trí. Nên hai trí này là nhiếp ở diệu lý trí tánh chân như. Lại Nhất thiết trí là Bồ-đề trí dụng.

- Lại nói trí là trí tánh Niết-bàn, hai thứ Như lai tạng. Nay nói lên hai trí này đều là Vô thượng. Khen ngợi thù thắng cho người vui mừng. Nhưng thể Bồ-đề này là hạt giống bốn hữu hữu vi. Huân tập học rộng là do tu mà sanh trưởng, thể tức là bốn trí.

Kinh Lăng-già chép: Thức A-lê-da gọi là Không Như lai tạng. Huân tập đầy đủ pháp vô lậu nên gọi là Bất Không Như lai Tạng. Tạng thức hữu lậu là luống dối không thật, cho nên gọi là không, năng chứa

tất cả hạt giống vô lậu gọi là Như lai tạng.

Thể của hạt giống bốn trí là vô lậu chẳng phải là pháp luống dối. Do gần gũi bạn lành huân tập học rộng dần dần sanh trưởng, sẽ thành bốn trí. Nhân của trí gọi là Bất Không Như lai Tạng. Tạng là hàm tàng, nghĩa là nhân tánh. Dụ như trồng cây sanh trưởng tròn đầy thể tánh của Niết-bàn này là vô vi. Xưa nay sẵn có tự tánh thanh tịnh. Về sau gặp Bạn lành thì dứt chướng hiển bày tuy là một chân như mà gặp duyên thì chứng riêng nên gọi là bốn thứ Niết-bàn.

Kinh Thắng-man nói: Có hai thứ Như lai Tạng không trí: Nghĩa là hoặc lia hoặc thoát, hoặc đoạn hoặc dị. Tất cả phiền não tạng cũng không lia không thoát. Không đoạn không dị. Bất tư nghi Như lai tạng phiền não hữu lậu luống dối không thật, có thể che lấp Như lai, gọi là không Như lai tạng. Thể của Niết-bàn vô lậu là vô vi, chẳng phải là pháp luống dối. Do gần thiện duyên mà dứt các phiền não. dần dần trí khởi thì phương tiện sẽ hiển chứng gọi là Niết-bàn. Thể tánh chẳng phải là không, do không mà hiển bày ra vì là tánh không ở vị trí phiền não che lấp nên gọi là Bất Không Như lai tạng. Tạng có nghĩa là che giấu tánh nhân, cho nên ở vị trí phiền não bị trói buộc gọi là Như lai tạng. Lúc ra khỏi phiền não thì gọi là pháp thân. Tức pháp thân này do không mà hiển bày. Vì bốn tánh vốn là không nên gọi là không Như lai tạng. Như ngọn đao Đê-da đào được vật báu mà được biết đến.

Thức A-lại-da và các phiền não gọi là Như lai tạng kinh Niết-bàn nói chưa đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Pháp thiện bất thiện đều gọi là pháp tánh.

- Kinh Vô Cấu xưng chép: Chủng tánh của thân giả: Bảy thức trụ, tham dục, sân nhuế, ngu si, mười một nghiệp bất thiện đạo làm Như lai chủng, vẫn chẳng phải nói một, tức trước Bồ-đề gọi là báo thân. Báo thân thì tu sanh, pháp thân thì tu hiển. Pháp thân chứng thì nhân chứng. Báo thân sanh thì nhân sanh.

Tạng trước có bốn:

1) Năng hàm tàng: Tạng nghĩa là thức A-lại-da như kho tạng.

2) Năng sanh đức tạng: Nghĩa là hạt giống báo thân, như hạt giống, lúa...

3) Năng phú tạng: Tạng nghĩa là phiền não như đất che vật

4) Năng hiển đức tạng: Tạng nghĩa pháp thân Phật tánh như kim tánh (tánh vàng), tức nói theo vị trí đại.

Đoạn sở trí chướng thì chứng được báo thân Phật Bồ-đề tròn đầy. Dứt phiền não chướng chứng được pháp thân Phật, Niết-bàn tròn đầy.

Chư Phật ra đời là muốn chúng sanh dứt sở tri chướng và chỗ phát nghiệp cùng quả sở đắc. Tất cả đều hết viên chứng Bồ-đề mở ra tướng tri kiến khiến được thanh tịnh. Chướng hết, trí viên thì gọi là thanh tịnh. Vì muốn chúng sanh dứt trừ phiền não chướng và chỗ phát nghiệp quả sở đắc. Tất cả đều tận viên chứng Niết-bàn, khai tánh tri kiến, khiến được thanh tịnh. Chướng tận, lý hiển thì gọi là thanh tịnh. Duyên vào tri kiến này nên ra khỏi thế gian.

1) Khai: Nghĩa là hiển chứng xuất sanh sanh ra Bồ-đề hiển chứng Niết-bàn. Trừ hai việc này thì không có gì cao quý hơn, hai pháp đó gọi là Vô thượng.

2) Thị nghĩa là đồng. Vì pháp thân Ba thừa của Chư Phật, Bích-chi-phật, Thanh văn đều bình đẳng. Pháp thân bình đẳng đó là pháp thân, Phật tánh không có sai khác. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Thí như sữa trâu có các màu sắc và đem sữa đó đặt vào một chỗ, màu sắc sữa vẫn không khác. Phật tánh không vậy. Chúng sanh chủng loại tuy không đồng, mà Phật tánh không khác nhau. Ý này nói là pháp thân Ba thừa vốn là bình đẳng. Chúng sanh không biết nên không chịu tu hành để chứng pháp thân tròn đầy. Chư Phật ra đời là muốn chỉ cho chúng sanh tánh của tri kiến này. Ba thừa đều bình đẳng không hai, đồng chứng tròn đầy để thành tựu pháp thân.

3) Ngộ có nghĩa là không biết. Vì tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không biết chỗ chân thật. Không biết chỗ chân thật là không biết rốt ráo chỉ có một Phật thừa. Như có người đến nhà bạn thân uống rượu say rồi nằm, lấy hạt ngọc vô giá buộc vào áo trong. Người kia lúc đầu không biết, sau giác ngộ rồi mới biết. Ý này nói là: Nhị thừa không biết thể rốt ráo duy nhất chỉ một Phật thừa, thể tức là Bồ-đề bốn trí, cho nên không tu báo thân tròn đầy. Phật ra đời là muốn cho chúng sanh giác ngộ pháp rốt ráo chỉ có một Phật thừa Bồ-đề trí, khiến cho tu mà sanh trưởng. Ba thứ trên là khai để cùng hiển bày pháp thân, báo thân, khen ngợi sự thù thắng của quả Niết-bàn, Bồ-đề Vô thượng để cho người ưa thích. Thị là phân biệt rõ pháp thân Ba thừa Niết-bàn vốn không hai mà có tu chứng. Ngộ là riêng chỉ rõ báo thân Bồ-đề rốt ráo bậc nhất hạt giống vốn có khiến tu hành sanh quả. Cùng nêu trí đức đoạn đức ở trong quả. Đã chứng hai pháp này làm lợi lạc chúng sanh, ứng với vật hiện hình. Ứng cơ mà nói pháp. Tức là hóa thân và thân tha thọ dụng là ân đức.

4) Nhập: Là địa vị khiến cho chứng đắc không lui sụt. Thị hiện cùng vô lượng nghiệp trí. Ba pháp trên là chung, riêng tuy rõ quả Phật Vô thượng, đồng thù thắng mà chưa biết làm thế nào để chứng đắc. Nay

nói nhân năng chứng năng đắc, cho nên gọi là nhập. Y vào luận này này thì từ Sơ địa trở lên gọi là địa Bất thối. Thể dụng của trí Nhất thiết trí, trong quả vị Phật thật lớn thể dụng đại gọi là Vô lượng trí. Nghiệp là nhân. Phật vì đó mà nói từ Sơ địa trở lên có thể đắc nhân Nhất thiết trí của quả Phật gọi là nhập. Đức Phật nói nhân này là muốn cho người Nhị thừa Hữu học, Vô học và trước sơ địa chứng sơ địa trở lên đến Không lui sụt. Nhập vào biển dị sanh tu chủng trí nhân, quán sát trí tánh nhập hai quả vị Phật.

Bốn ý này nói: Phật xuất hiện ở đời là muốn chúng sanh dứt hết hai chướng, khai tri kiến Niết-bàn Bồ-đề Phật khiến chứng thanh tịnh. Khen ngợi hai pháp vô thượng để chúng sanh ưa thích. Mở bày pháp thân đồng có là khiến cho tu chứng. Ngộ chỗ bất trí chỉ có một trí Phật thừa khiến cho chúng sanh tu hành. Đã hiển bày thể tánh cao quý của Bồ-đề Niết-bàn Quả Phật và nói nhân đó cho người hưởng nhập, là nói Phật xuất hiện ở đời để nói pháp Nhất thừa, hoặc quả hoặc nhân. Khiến chúng sanh tu nhân chứng quả, đều thành quả Phật, không vì việc gì khác.

Trước khen ngợi trí tuệ và môn trí tuệ tức là lý giáo của Nhất thừa. Nay nói hạnh quả, nên biết đó là nói chung về bốn pháp Nhất thừa gọi là Pháp Hoa. Hoặc bất thối là từ Bát địa trở lên thì hành bất thối. Các luận đều nói là thọ sanh tử biến dịch. Tuy Nhị thừa hồi tâm nhưng chưa liền đến bờ giác kia. Ba thừa đều đồng là hậu chắc chắn, ra khỏi sanh tử phần đoạn nhập vào sanh tử biến dịch.

Lại Nhị thừa đó là phiền não bất thối. Trải qua ba đại kiếp đều gọi là bất thối địa. Lại Nhất thừa là tu hành Nhất thừa, hoặc là tín, vị, chứng, hạnh. Nay ở trong đây đều khiến cho thể nhập, cùng gọi là bất thối. Hoặc thật thể của nhân quả Nhất thừa là trước nói trí tuệ và trí tuệ môn của Phật tức trước nói Ba thừa là quyền giáo khiến cho Nhị thừa xả quyền giữ thật hành nhân Nhất thừa, hưởng đến quả Nhất thừa, đây chính là bốn ý.

Trên nói về nhân quả chung riêng để giải thích bốn thứ: Y theo đây trở xuống văn dưới nói thì trong pháp Phật ba đời không nói phần đầu là khai, chỉ nói: Thị, ngộ, nhập, vì thế biết chỉ nên nói như thế là tốt. Thị ngộ nêu riêng hai quả đã xong. Không cần nêu ra. Nêu ra nhân quả này là nhiếp tất cả pháp muôn đức hữu vi vô vi của Phật. Phần pháp nói ở phẩm Phương tiện này nói Nhất thừa chỉ vì người thượng căn. Do đây mà biện chung hoặc nhân hoặc quả Bồ-đề Niết-bàn để làm Nhất thừa. Phẩm Thí dụ thì vì người trung căn nên chỉ nói ngộ. Xe trâu là trí

đức Nhất thừa Bồ-đề. Do mê nhân trí mà không mê lý nhân, lý quả trí. Phẩm Hóa Thành Dụ là vì người hạ căn nên chỉ nói về thị. Đảo châu báu là Đoạn đức Niết-bàn Nhất thừa. Do mê lý quả mà không mê trí quả, trí của lý nhân. Mỗi pháp đều tùy theo sở nghi mà dứt chướng kia, khiến cho tiến nhập mà nói riêng Nhất thừa. Hoặc vì trung, hạ căn mà nói hai pháp lý trí nhân quả, rõ ràng khiến cho hiểu, chỉ có phẩm này là nói chung về nhân quả giác, tịch Nhất thừa, lý nghĩa đầy đủ, cho nên luận này giải thích đầy đủ phẩm này, các phẩm khác chỉ giải thích chung, đại ý thì không khác đây. Nếu hiểu rõ phẩm này là hiểu toàn bộ kinh. Nhưng xét văn dưới thì xe trâu ở quả, tức Bồ-đề, văn dưới chỉ nói trí ở trong nhân. Ba thừa cuối nhân này thẳng đến đạo tràng.

Lại lý tuy vậy mà trong các kinh luận thường nói trí tuệ lý tánh Niết-bàn cho là Nhất thừa, Nhất thừa là căn bản nên như Vô Lượng Nghĩa.

Giải thích thứ hai: Nay bốn nghĩa này đều dựa vào thể của pháp thân trí tuệ Phật tánh để làm Nhất thừa. Kinh Niết-bàn chép: Đại sự đó chính là Phật tánh.

Lại rốt ráo có hai:

- 1) Trang nghiêm rốt ráo.
- 2) Rốt ráo rốt ráo.

Trang nghiêm rốt ráo nghĩa là sáu Ba-la-mật.

Rốt ráo rốt ráo: Là tất cả chúng sanh sở đắc Nhất thừa. Nhất thừa tức là Phật tánh. Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đều có Nhất thừa. Vì vô minh che lấp nên không thể nhận biết được.

Cho nên biết Phật tánh tức là tri kiến, tức là Nhất thừa. Nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đó tức là khai. Chỉ bày phân biệt gọi là Thị. Đây là pháp Phật tánh, là tánh của báo thân Phật, là tánh nhân, tánh duyên, tánh lý, tánh hành, tánh của người gốc lành, người bất gốc lành... các tánh này gọi là Thị, cho nên kinh Niết-bàn chép: “Như trong nhà cô gái nghèo có nhiều kho vàng ròng. Trong nhà mọi người đều không biết. Lúc này có một người khéo biết phương tiện vừa đến, mới bảo nhà ấy đào lấy vàng lên, người nữ trông thấy lòng rất vui mừng, sanh tâm kính mến tôn trọng người này.

Người Thiện nam! Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh không thể biết được. Như kho vàng kia cô gái nghèo kia không thể biết.

Người Thiện nam! Nay ta chỉ khắp cho tất cả chúng sanh biết mình có Phật tánh. Người khéo dùng phương tiện đó tức là Như lai. Cô

gái nghèo là vô lượng chúng sanh, kho vàng ròng ấy là Phật tánh. Phật dùng đủ loại phương tiện phân biệt để chúng sanh hiểu, gọi đó là ngộ. Khuyên vật khởi tu để chúng nhập nên gọi là nhập. Nếu nung vào giải thích này, thì trong phẩm Thí dụ nói: “Xe trâu đều cho, Ta vì các con mà tạo” bèn trở thành trái với nghĩa này.

Giải thích thứ ba: Ba thứ trước là y theo ba việc Quả Phật Đại bát Niết-bàn mà giải thích. Kinh Niết-bàn quyển hai chép: Ta nay nên khiến cho tất cả chúng sanh, vì Phật tử bốn bộ chúng, thấy đều an trú trong bí mật tạng. Ta cũng an trú trong đó mà nhập Niết-bàn. Sao gọi là tạng bí mật. Như ba điểm của chữ y, để ngang không thành chữ y, dọc cũng không thành, như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, mới thành chữ y, ba điểm nếu riêng biệt cũng không thành. Ta cũng thế, pháp giải thoát chẳng phải Niết-bàn. Thân Như lai cũng chẳng phải Niết-bàn. Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn.

Nay ta an trú vào ba pháp như thế là vì chúng sanh cho nên gọi là nhập Niết-bàn, như chữ y ở đời. Trong đây ý nói là: Tiếng Phạn chữ y trên có hai điểm, dưới một điểm, tựa như chữ phẩm để ngược. Để ngang như có chứng trước sau, để dọc như có ba cấp bậc, tức chữ y có ngang dọc, đều không phải, để riêng cũng chẳng phải chữ y. Nếu cả ba hòa hợp không dọc không ngang cũng không cách biệt. Hòa hợp ba điểm không phải một, không phải khác. Như ba mắt trên mặt trời Đại Tự Tại. Trên trán một, dưới mỗi bên chân mày có một. Phật nhập Niết-bàn cũng giống như thế.

Ma-ha Bát-nhã là trí năng chứng, thân Như lai là pháp thân sở chứng. Giải thoát là do trí năng chứng mà chứng lý pháp thân sở chứng. Hai chương đã diệt hết thì hai sanh tử (phần đoạn, biến dịch) thân hữu đời vị lai không còn tiếp tục, cũng không còn bị trói buộc, mà tam gọi là trạch diệt, tức là giải thoát.

Trong kinh Tạp Tập chép: Diệt đế có ba: Hoặc năng diệt, hoặc sở diệt, hoặc diệt tánh, tức là ba đại Niết-bàn này, Niết-bàn ở trên là năng chứng đạo, như con mắt ở trên trán, pháp thân, giải thoát đều ở dưới là sở chứng nên dụ cho hai mắt ở dưới chân mày. Dùng trí chứng lý để sau đó hoặc khổ thân sau đều dứt trừ không sanh nên gọi là nhập Niết-bàn, là Phật an trú vào tạng bí mật, không đồng trí liễu sanh không của Nhị thừa, chẳng phải là lý đại tuệ. Chỉ vì lý sanh không vô ngã không gọi là pháp thân. Tuy được phần ít hoặc chúng sanh tử phần đoạn không sanh, tạm trạch diệt mà không được diệt tận tập khí và tri chương, sanh tử

phần đoạn biến dịch chứng quả giải thoát cao quý. Như dọc như ngang chẳng phải là đại Niết-bàn. Thân tan trí diệt kia gọi là nhập. Không hiện thân trí sao có thể gọi là đại. Phật không như thế nên gọi là đại, xưng là tạng bí mật.

Người xưa giải thích, chỉ y vào chân như để làm ba việc gọi là Đại Niết-bàn, thì không có nghĩa nhập. Thường trú bất hoại vì lợi ích chúng sanh mà dùng trí chứng chơn, giải thoát hết hoặc khổ thì mới gọi là nhập. Đây chính là ý Phật, không giống như Nhị thừa nói không có thân trí mới gọi là nhập, nên Phật tự nói: Cũng như các loài quạ, chim, điều hâu vào hầm Niết-bàn.

Nay giải thích sau đây khéo thuận theo kinh đọc tụng sẽ tự biết .

Ma-ha Bát-nhã là khai tri kiến Phật cho nên trong luận chép: Trừ trí Nhất thiết trí thì không có việc gì khác, Nhất thiết trí đó là chứng vào trí hai không. Lại nói người trí chứng các hữu trí trí, Tối thắng diệu này gọi là vô thượng thì không có gì hơn.

Pháp thân chính là thị tri kiến Phật. Luận chép: Ba thừa đều bình đẳng, pháp thân Phật tánh đều không khác nhau.

Giải thoát là ngộ tri kiến Phật, hai chương đều dứt, hai sanh tử cũng diệt đó là chân giải thoát. Người Nhị thừa chỉ dứt được một chương và một sanh tử vô dư, mà không biết như thế. Cho nên luận chép: Nhị thừa không biết được chỗ chân thật , do đó phải khiến cho kia tỏ ngộ.

Ba việc trên tức là chứng nhập đại Niết-bàn. Đây là có nhân mà nói nghĩa nhập, nên luận chép: Nhập là chỉ rõ hiện không lui sụt địa, cùng vô lượng trí nghiệp, Phật ra đời là muốn cho chúng hữu tình trong Ba thừa tu nghiệp không lui sụt địa, an trú vào kho Bí mật, nhập đại Niết-bàn không vì việc khác. Đây cùng danh tự Niết-bàn thể khác mà tánh không khác. Tất cả đều muốn hành nhân chứng nhập quả vị Phật. Nếu giải thích theo đây đã khế ước với nghĩa Hóa thành hướng đến đảo châu báu, còn hợp với trong nhà lửa cưỡi xe trâu đi.

Thể đức của Nhất thừa đã gọi là Đại bát Niết-bàn. Hai thân pháp, thân báo thân chánh giác cùng Viên tịch, mỗi thân nhiếp chung đều đầy đủ, cũng gì mà không chỉ trích? Nay ba giải thích trên chỉ nói trí tuệ sở thuyên là Nhất thừa, giáo môn năng thuyên tức thứ lớp như trước nói. Tùy nghi mà nói, ý thú khó hiểu.

Lại dùng hoa sen để dụ cho Pháp mẫu. Đây là nói việc khai mở nhân. Quả tốt đẹp cũng không sai trái. Nhưng kinh Thắng-man và văn kinh phần nhiều nói chân lý cho là Nhất thừa, căn bản của thừa, thật ra có cả hai thứ. Đối với nghĩa thì bao gồm hết mở bày ngộ: Cả ba đều nói

về quả Nhất thừa . còn “nhập” thì nói nhân thừa của Phật Nhân thừa tuy có cả ba vô số kiếp, nay chỉ nêu sau kiếp thứ hai. Luận chép: Khiến chúng không lui sụt vị. Cho nên trong kinh Lăng-già, Mười Địa chia làm ba thứ ý sanh thân, như trong chương khác nói.

Lại phẩm sau nói: Người thanh văn, Duyên giác, Không lui sụt, Bồ-tát cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng.

Kinh Thắng-man nói: Vô minh vì duyên với nghiệp nhân vô lậu. Có ba thứ ý sanh thân là Bồ-tát Đại Lực , Bích-chi-phật quả A-la-hán. Từ Sơ địa trở xuống thì vẫn còn ở trong phần đoạn sanh tử mà chưa ra khỏi nhà lửa. Còn ở trong cửa nên vẫn bị thiêu đốt, không thể gọi là nhất thừa. Hoặc sau Bát địa gọi là Không lui sụt địa. Luận Du-già chép: Sau Bát địa là ý sanh thân, chắc chắn.

Hỏi: Người Nhị thừa quả vị Vô học xe hươu, dê còn ở phần đoạn, nên vẫn còn trong cửa, như tiểu Bồ-tát lẽ ra không ra nhà lửa?

Đáp: Nói phần đoạn chính là chưa ra khỏi nhà lửa, nường vào nơi khác, đắc hẳn quả Niết-bàn thì gọi là ra khỏi cửa, không đồng như ở kia.

Hỏi: Vì sao nói hai người con đi xe trâu, xe hươu, dê thì gọi là ra khỏi nhà lửa. Còn con lớn đi xe trâu tức Bồ-tát đi xe ngựa thì chưa ra khỏi nhà lửa?

Đáp: Người Nhị thừa hoặc nghiệp đã dứt nên nói là ra khỏi nhà lửa. Bồ tát ở kiếp sơ thì hoặc vẫn còn thì sao gọi là ra khỏi. Lại quả thất địa phần đoạn đã hết một đời sanh trở lại đây cũng gọi là ra khỏi. Nhị thừa cũng đồng như vậy. Trở xuống, không phải vì còn sanh nhiều nên như hạng Hữu học. Vậy khi ra khỏi nhà lửa mới lên xe trâu. Nhưng trong văn kinh này, trong phần sơ khai nêu chung về pháp cao siêu đắc quả thanh tịnh. Ba phần sau thì biệt hiển nên lược không nói.

Kinh: “Xá-lợi-phất! cho đến xuất hiện ở đời” là phần kết.

Kinh: “Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến thị ngộ chúng sanh”.

- Tán: Đây là giải thích phần trước, nói vì sao có ý này. Thân chúng sanh sẽ là có Phật tánh, cho nên việc giáo hóa chỉ là giáo hóa Bồ-tát. Những gì đã làm đều vì việc này, chỉ dùng trí kiến Phật để khai ngộ chúng sanh. Luận lần thứ hai giải thích ba phần: Thị, ngộ, nhập nói: Thị là vì hàng Bồ-tát có nghi nên khiến cho biết tu hành như thật... Nghĩa là có Bồ-tát nghi ngờ không có Phật tánh, nên không chịu tu hành. Nay Phật thị hiện để giáo hóa chúng Bồ-tát đó để các vị biết là trong Ba thừa đều có Phật tánh. Để dứt trừ nghi kia mà tu hành như thật.

Lại ngộ nhập đó là người chưa phát tâm Bồ-đề khiến cho họ phát tâm, đâu giải thích nghĩa ngộ. Người đã phát tâm khiến nhập vào pháp đạo. Đây là giải thích nghĩa nhập, nói nhân quả hết.

Lại giải thích ngộ nhập: Ngộ là khiến cho chúng sanh ngoài đạo giác ngộ, nhập là đắc quả Thanh văn nhập đại Bồ-đề, bỏ tà về chánh, bỏ quyền lấy thật.

